

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2018/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 63/TTr-SKHCN ngày 10/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về điều kiện, trình tự xét, công nhận sáng kiến; tổ chức và hoạt động của Hội đồng sáng kiến; tổ chức và hoạt động của Hội đồng chuyên môn; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến; các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến và quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh và điều kiện công nhận sáng kiến

1. “Sáng kiến cấp cơ sở” là sáng kiến đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 3; Khoản 1, 2 Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến (sau đây gọi là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP) trong phạm vi huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức.

2. “Sáng kiến cấp tỉnh” là sáng kiến đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 3; Khoản 1, 2 Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP trong phạm vi toàn tỉnh và được công nhận ở cấp cơ sở; phải có ít nhất 2/3 ý kiến “đồng ý” của các thành viên Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 3. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Nhiệm vụ khoa học công nghệ được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cho cá nhân là thành viên tham gia nhiệm vụ. Mỗi nhiệm vụ chỉ xét chọn không quá 03 thành viên, do các thành viên tham gia nhiệm vụ đó xét chọn;

b) Giải pháp đạt giải ba trở lên của Hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh; hoặc đạt giải khuyến khích trở lên của Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc;

c) Được tặng Bằng tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

d) Được tặng Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Thời hiệu công nhận đặc cách sáng kiến cấp tỉnh tại điểm a Khoản 1 Điều 3 là ba năm; tại điểm b, c, d Khoản 1 Điều 3 là hai năm tính từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận và trao giải.

3. Các trường hợp đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh không phải thông qua Hội đồng sáng kiến. Người đủ điều kiện đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh gửi bản sao các tài liệu, giấy tờ chứng minh một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 điều này và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo các trường hợp đặc cách trong kỳ họp Hội đồng.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 4. Hội đồng chuyên môn xét đánh giá sáng kiến

1. Hội đồng chuyên môn xét đánh giá sáng kiến (gọi tắt Hội đồng chuyên môn) được thành lập như sau:

a) Cấp tỉnh: Do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập;

b) Cấp cơ sở: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở trực tiếp xét đánh giá sáng kiến.

Trong trường hợp sáng kiến có liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn phức tạp thuộc ngành giáo dục và đào tạo, khoa học kỹ thuật thì Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Chủ tịch UBND cấp huyện) quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn theo quy định tại Khoản 2 điều này. Đối với sáng kiến cấp cơ sở thuộc các ngành còn lại tại các cơ quan, tổ chức thì không thành lập Hội đồng chuyên môn.

2. Hội đồng chuyên môn được thành lập theo nhóm lĩnh vực chuyên môn, có số lượng từ 05 đến 07 thành viên gồm Chủ tịch và các Ủy viên. Trong đó, có 2/3 là các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến.

3. Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm tư vấn cho Hội đồng sáng kiến cùng cấp trong việc xét đánh giá các giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Quy định này.

4. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng chuyên môn:

a) Hội đồng chuyên môn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, thảo luận công khai và quyết định bằng phiếu kín;

b) Phiên họp của Hội đồng chuyên môn họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng chuyên môn dự họp. Hội đồng chuyên môn xét, đánh giá các giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Khoản 1, 2 Điều 2 của Quy định này;

c) Thành viên của Hội đồng chuyên môn không được xét đánh giá sáng kiến do chính mình là tác giả hoặc đồng tác giả.

Điều 5. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở;

b) Cơ quan, bộ phận thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở tại các huyện, thị xã, thành phố là phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng; tại các cơ quan,

tổ chức là Văn phòng hoặc phòng Tổ chức - Hành chính. Đối với tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thì người đứng đầu tổ chức đó quy định;

c) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, địa phương ra quyết định thành lập Hội đồng. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các đoàn thể có liên quan. Trong đó, ủy viên thuộc cơ quan, bộ phận thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở làm Thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh;

b) Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực và các Ủy viên. Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo của các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan; lãnh đạo Phòng Quản lý Chuyên ngành làm Thư ký Hội đồng;

d) Nhiệm kỳ của Hội đồng là 5 năm. Việc bổ nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Những thành viên không đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ hoặc không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã quy định thì Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh miễn nhiệm.

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến các cấp có trách nhiệm tư vấn cho Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động sáng kiến của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tổ chức xét, đánh giá sáng kiến và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức công nhận sáng kiến theo các điều kiện của quy định này.

3. Tham vấn về tính pháp lý của các sáng kiến, kiến nghị cách thức giải quyết khi có tranh chấp về sáng kiến.

4. Đề xuất khen thưởng tác giả của sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực, hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 7. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến các cấp làm việc theo nguyên tắc dân chủ, thảo luận công khai và quyết định bằng phiếu kín. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

2. Các thành viên của Hội đồng sáng kiến các cấp làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chủ tịch Hội đồng sáng kiến quyết định triệu tập họp định kỳ hoặc đột xuất.

3. Trên cơ sở kết quả xét, đánh giá sáng kiến của các Hội đồng chuyên môn cùng cấp, Hội đồng sáng kiến các cấp có trách nhiệm xem xét, đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại quy định này.

4. Phiên họp của Hội đồng sáng kiến họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng sáng kiến dự họp. Sáng kiến “đạt” phải có ít nhất 2/3 ý kiến “đồng ý” của các thành viên Hội đồng sáng kiến.

5. Các thành viên Hội đồng sáng kiến các cấp phải tham gia đầy đủ các kỳ họp, nếu vắng mặt phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng sáng kiến. Phiếu đánh giá của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị để các thành viên Hội đồng xem xét, tham khảo.

6. Trong trường hợp Hội đồng sáng kiến phải lấy ý kiến về những vấn đề mà Hội đồng thảo luận, Quyết nghị của Hội đồng chỉ có giá trị thực hiện khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng nhất trí thông qua. Việc thông qua Quyết nghị của Hội đồng được thực hiện bằng biểu quyết.

7. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, cấp cơ sở chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức về kết quả tham mưu, kiến nghị của mình.

Điều 8. Nguồn kinh phí và nội dung chi hoạt động sáng kiến

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến, Hội đồng chuyên môn cấp cơ sở sử dụng nguồn ngân sách chi thường xuyên được giao hàng năm của đơn vị.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến, Hội đồng chuyên môn cấp tỉnh sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh cho đến khi có quy định mới.

3. Nội dung chi các hoạt động của Hội đồng sáng kiến:

a) Chi họp của Hội đồng sáng kiến, Hội đồng chuyên môn xét đánh giá sáng kiến các cấp; chi hội nghị sáng kiến: Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về Ban hành Quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

b) Chi ấn loát tài liệu, chi văn phòng phẩm;

c) Các khoản chi khác (nếu có) được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành;

Trường hợp các Thông tư, Nghị quyết, Quyết định dẫn chiếu trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc có những văn bản quy định mới thì thực hiện theo văn bản hiện hành.

Điều 9. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

2. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, rà soát và thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

3. Sao gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến đến các thành viên Hội đồng sáng kiến nghiên cứu cho ý kiến nhận xét, đánh giá trước khi họp Hội đồng.

4. Thành lập các Hội đồng chuyên môn để tư vấn về mặt chuyên môn cho Hội đồng sáng kiến trên các lĩnh vực.

5. Chuẩn bị nội dung, chương trình cuộc họp trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến quyết định chương trình, nội dung, thời gian, địa điểm và thông báo cho các thành viên Hội đồng biết về chương trình, nội dung các kỳ họp.

6. Tổng hợp các sáng kiến đủ điều kiện được Hội đồng họp xét thông qua, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

7. Hàng năm, lập dự toán chi cho các hoạt động của Hội đồng chuyên môn, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, hội nghị sáng kiến trong dự toán của ngành trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

8. Tổ chức thẩm tra, xác minh các sáng kiến có tranh chấp khi có kiến nghị của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trước khi trình UBND tỉnh quyết định.

9. Tổ chức khen thưởng tác giả của sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực, hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương III

THẨM QUYỀN, XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 10. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thực hiện theo Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 11. Xét sáng kiến

1. Tiếp nhận sáng kiến

a) Thời gian tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến cấp cơ sở (theo Phụ lục I, ban hành kèm Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng năm 2012 của Chính phủ kiến (sau đây gọi là Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN) do Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quy định;

b) Thời gian tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh (theo Phụ lục I, ban hành kèm Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN) được nhận 2 đợt trong năm: Đợt 1 từ ngày 01 tháng 5 đến ngày 01 tháng 6 (đối với ngành Giáo dục và Đào tạo); Đợt 2 từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 01 tháng 10 cho các cơ quan, tổ chức.

2. Tra cứu, phân loại, lập biên bản vi phạm (nếu có) và tổng hợp danh sách sáng kiến.

a) Rà soát, tra cứu thông tin để kiểm tra sáng kiến về tình trạng sao chép và tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP. Lập biên bản khi có sáng kiến vi phạm (nếu có);

b) Phân loại, tổng hợp danh sách sáng kiến đề nghị xét đánh giá theo nhóm lĩnh vực chuyên môn;

c) Bảo quản, lưu trữ hồ sơ và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến;

3. Tổ chức họp các Hội đồng chuyên môn để xét đánh giá sáng kiến (nếu có).

4. Thông báo nộp Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện sáng kiến (nếu có);
5. Chuẩn bị và gửi tài liệu tới các thành viên Hội đồng sáng kiến các cấp tối thiểu là ba (03) ngày trước ngày khai mạc phiên họp.
6. Họp xét, đánh giá sáng kiến.
 - a) Thường trực Hội đồng sáng kiến báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng, kết quả đánh giá của Hội đồng chuyên môn (nếu có) của từng sáng kiến;
 - b) Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá;
 - c) Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến;
 - d) Hội đồng biểu quyết và Chủ tịch Hội đồng kết luận thông qua sáng kiến đủ điều kiện công nhận;
 - đ) Thư ký Hội đồng thông qua biên bản họp xét sáng kiến.
7. Xét, đánh giá sáng kiến cấp cơ sở thực hiện trong thời hạn không quá 20 ngày đối với các cơ quan, tổ chức; không quá 02 tháng đối với UBND cấp huyện và không quá 03 tháng đối với cấp tỉnh kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

Điều 12. Công nhận và công bố kết quả sáng kiến

1. Công nhận sáng kiến

a) Cấp cơ sở

Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức ra quyết định công nhận sáng kiến. Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hàng năm.

b) Cấp tỉnh

Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận. Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm;

c) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh lập theo Phụ lục III, ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, được cấp cho tác giả, đồng tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (nếu tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến).

2. Công bố kết quả sáng kiến:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến các cấp có trách nhiệm công bố công khai kết quả sáng kiến và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có).

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN VÀ TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

Điều 13. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến

Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và tác giả sáng kiến được quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 14. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến

1. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến như sau:

a) Đối với các sáng kiến trong các cơ quan, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh được công nhận ở cấp cơ sở và cấp tỉnh thì không áp dụng việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến chỉ làm cơ sở xét công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

b) Đối với các sáng kiến trong các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thì các đơn vị này có trách nhiệm chi trả thù lao cho tác giả sáng kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Việc trả thù lao quy định tại Điều b Khoản 1 điều này được trả chung cho tất cả các đồng tác giả và những người này tự thỏa thuận việc phân chia.

Chương V**CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN****Điều 15. Công bố, phổ biến và áp dụng sáng kiến**

1. Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức sau khi ra quyết định công nhận sáng kiến có trách nhiệm công bố, phổ biến và áp dụng sáng kiến trong cơ quan, đơn vị, địa phương để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

2. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có sáng kiến được công nhận, tác giả sáng kiến tự đầu tư kinh phí tạo ra sáng kiến phổ biến, chuyển giao sáng kiến cho các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh.

3. Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

Điều 16. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tham mưu UBND tỉnh về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm cho UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Sở hữu trí tuệ) về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến của tỉnh được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục V, ban hành kèm theo Thông tư số 18/TT-BKHCHN.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV, ban hành kèm theo Thông tư số 18/TT-BKHCHN.

Chương VI**KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Tùy theo tình hình thực tế, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tác giả sáng kiến có sáng kiến đem lại hiệu quả nhất.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về sáng kiến tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các cơ quan, tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phát huy tính chủ động sáng tạo, có nhiều sáng kiến đạt hiệu quả cao.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Các nội dung không được quy định tại Quy định này thì áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Hiên